TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **171/**2020/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 7 - 2020
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Trần Văn Chánh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 884/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 212/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Việt C**, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2020, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Việt C tự nguyện đến với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đã

được Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05 tháng 12 năm 2016.

Thời gian đầu bà và ông Nguyễn Việt C chung sống hạnh phúc đến năm 2019, sau đó xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, ông Nguyễn Việt C không lo làm ăn, thường xuyên bỏ nhà đi chơi, nhiều lần vợ cH hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ cH ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông Nguyễn Việt C sống ly thân từ tháng 02 năm 2020, sau khi ly thân bà sống tại Thôn Minh Thành, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Nay bà xác định tính cảm không còn, bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Việt C.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Việt C có 01 con chung cháu Nguyễn Vũ Thiên Ng, sinh ngày 09/8/2018. Ly hôn, bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vũ Thiên Ng, sinh ngày 09/8/2018. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Việt C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Bị đơn ông Nguyễn Việt C:** Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đã được Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05 tháng 12 năm 2016. Hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C là tự nguyện, hợp pháp.

Bà H trình bày vợ cH xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2019 đến tháng 2 năm 2020 vợ cH sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và ông C không chịu làm ăn, nuôi con. Qua thời gian sống ly thân bà H xác định mâu thuẫn vợ cH đã trầm trọng không thể hàn gắn, bà H xin được ly hôn với ông C.

Ông C tuy đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không lên làm việc, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà H. Tòa án đã xác minh về nơi cư trú và mâu thuẫn gia đình được biết: Ông C có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 12/4, tổ 14, khu phố 2, phường Bửi Long, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và còn đang sinh sống

tại địa chỉ này. Về mâu thuẫn vợ cH thì địa phương biết ông bà có mâu thuẫn như thế nào do không trình báo. Như vậy ông C coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ kiện, cũng cho thấy ông không quan tâm đến việc bà H xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ cH đã thực sự trầm trọng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Xét theo nguyện vọng của bà H, ông C không có ý kiến về con chung, hiện cháu Nghi đang sống cùng bà H nên giao cháu Nguyễn Vũ Thiên Ng, sinh ngày 09/8/2018 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, là đảm bảo. Tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung, ông C có quyền thăm nom, chăm sóc mà bà H không được cản trở, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: do ông C không có lời khai nên tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bà H được ly hôn với ông Nguyễn Việt C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Thiên Ng, sinh ngày 09/8/2018 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Việt C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 25/5/2020 bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành thủ tục tống đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Việt C để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Việt C vẫn vắng mặt không đến Tòa án nhân dân thành phố B để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố

B, tỉnh Đồng Nai. Đã được Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05 tháng 12 năm 2016 đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị H trình bày sau khi kết hôn bà và ông Nguyễn Việt C chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Sau đó vợ cH phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, do bất đồng quan điểm sống, vợ cH thường hay cãi nhau, ông C không lo làm ăn, thường xuyên vắng nhà. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C đã sống ly thân. Bà Nguyễn Thị H xin ly hôn ông Nguyễn Việt C.

Tại biên bản xác minh ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B: Đại diện Ủy ban nhân dân phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C không báo địa phương biết. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B: Đại diện Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/12/2016. Quá trình chung sống vợ cH có phát sinh mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C không báo địa phương biết.

Tại biên bản xác minh ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B: Cảnh sát khu vực khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Ông Nguyễn Việt C có đăng ký thường trú tại số 12/4, tổ 14, hẻm 335, khu phố 2, phường Bửu Long, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện ông Nguyễn Việt C vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên.

Xét mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C đã xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Việt C.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C có 01 con chung cháu Nguyễn Vũ Thiên Ng, sinh ngày 09/8/2018. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vũ Thiên Ng, sinh ngày 09/8/2018, bà H không yêu cầu ông Nguyễn Việt C cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điền kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Vì vậy, giao con chung cháu Nguyễn Vũ Thiên Ng, sinh ngày 09/8/2018 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Việt C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Việt C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nhưng do ông Nguyễn Việt C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nhưng do ông Nguyễn Việt C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc giải quyết tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của bà Nguyễn Thị H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 203, 220, 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 8, 9, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Việt C về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Việt C.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C có 01 con chung cháu Nguyễn Vũ Thiên Ng, sinh ngày 09/8/2018.

Giao con chung cháu Nguyễn Vũ Thiên Ng, sinh ngày 09/8/2018 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Việt C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Việt C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Nguyễn Việt C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Nguyễn Việt C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị H nộp theo biên lai số 0008666 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- THA TP. B (2);
- VKSND TP. B (2);
- Đương sự (2);
- UBND phường Quyết Thắng, TP. B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu (5).

Trần Thị Kim Dung